|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NGOẠI GIAO  **HỌC VIỆN NGOẠI GIAO** |  |



**GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ VÀ HƯỚNG DẪN KIỂM TRA PHÂN LOẠI TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ**

**ĐỐI VỚI SINH VIÊN K51**

**PHẦN I: CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ**

**I. Khái quát chung**

Chương trình giảng dạy ngoại ngữ cho Khoá 51 của Học viện Ngoại giao có một số điểm chính sau:

**- Ngoại ngữ 1**: là học phần bắt buộc. Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về trình độ và quy mô lớp học).

**- Ngoại ngữ 2**: là học phần tự chọn (có tính vào kết quả học tập) đối với sinh viên các ngành QHQT, KTQT, KDQT, TTQT, LQT và học phần bắt buộc đối với ngành NNA. Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về trình độ và quy mô lớp học).

- Sinh viên có thể lựa chọn chỉ học Ngoại ngữ 1 hoặc học cả Ngoại ngữ 1 và Ngoại ngữ 2. Việc lựa chọn, phân loại trình độ và bắt đầu học Ngoại ngữ 1 sẽ được tiến hành từ đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1). Đối với sinh viên K51, việc lựa chọn, phân loại trình độ và bắt đầu học Ngoại ngữ 2 sẽ được tiến hành từ học kỳ III (học kỳ 1 năm 2).

Đối với ngành Châu Á - Thái Bình Dương học, sinh viên học Ngoại ngữ 1 phù hợp với chuyên ngành đã trúng tuyển (tiếng Anh đối với Hoa Kỳ học, tiếng Hàn đối với Hàn Quốc học, tiếng Nhật đối với Nhật Bản học hoặc tiếng Trung Quốc đối với Trung Quốc học).

- Đối với ngành Châu Á - Thái Bình Dương học và Luật thương mại quốc tế: Sinh viên nếu có nguyện vọng đăng ký học Ngoại ngữ 2 cần đóng học phí theo quy định của Học viện cho các học phần này.

**II. Khối lượng học tập và chuẩn đầu ra ngoại ngữ**

**A. Ngành Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Luật quốc tế**

**1. Khối lượng học tập**

Khối lượng học tập ngoại ngữ trong các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học thuộc 05 ngành nêu trên là 24 tín chỉ bắt buộc:

- Sinh viên được xếp trình độ ngoại ngữ 1 Sơ cấp trong đợt phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện Ngoại giao tổ chức (sau đây gọi tắt là phân loại trình độ) cần học đủ 24 tín chỉ ngoại ngữ 1 (NN1).

- Sinh viên được xếp trình độ ngoại ngữ 1 từ Trung cấp trở lên trong đợt phân loại trình độ được lựa chọn học 15 tín chỉ ngoại ngữ 1 (NN1) + 09 tín chỉ ngoại ngữ 2 (NN2), hoặc học toàn bộ 24 tín chỉ NN1.

**2.** **Chuẩn đầu ra**

Sau khi hoàn thành 24 tín chỉ ngoại ngữ, sinh viên cần đạt trình độ ngoại ngữ 1 tối thiểu như sau:

i. Có chứng chỉ quốc tế tương đương trình độ B2 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu (tương đương tiếng Anh IELTS 6.5, Cambridge English Scale 176-184, TOEFL iBT 79-93; tiếng Pháp DELF B2; tiếng Trung HSK 4; tiếng Nhật JLPT N3; tiếng Hàn TOPIK 4) và;

ii. Hoàn thành học phần Ngoại ngữ chuyên ngành III với kết quả Đạt (mức điểm D) trở lên.

**B. Ngành Ngôn ngữ Anh**

**1. Khối lượng học tập**

Khối lượng các học phần ngoại ngữ của sinh viên ngành ngôn ngữ Anh gồm 88 tín chỉ, trong đó 79 tín chỉ là các học phần lý thuyết tiếng, thực hành tiếng và kỹ năng dạy bằng tiếng Anh hoặc kết hợp dạy bằng Tiếng Anh - Tiếng Việt (biên phiên dịch) và 9 tín chỉ NN2.

**2.** **Chuẩn đầu ra**

Sau khi hoàn thành CTĐT, sinh viên cần đạt trình độ NN1 tối thiểu như sau:

i. Có chứng chỉ quốc tế tương đương trình độ C1 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu (tương đương tiếng Anh IELTS 7) và;

ii. Hoàn thành học phần Ngoại ngữ chuyên ngành III với kết quả Đạt (mức điểm D) trở lên.

**C. Ngành Luật thương mại quốc tế**

**1. Khối lượng học tập**

Khối lượng học tập ngoại ngữ trong các CTĐT trình độ đại học ngành Luật Thương mại Quốc tế là 18 tín chỉ bắt buộc.

(Sau khi học hết khối lượng này, sinh viên có thể đăng ký học các học phần ngoại ngữ nâng cao và chi trả học phí cho các học phần này theo quy định).

**2. Chuẩn đầu ra**

Sau khi hoàn thành 18 tín chỉ ngoại ngữ, sinh viên cần đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu như sau:

i. Có chứng chỉ quốc tế tương đương trình độ B2 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu (tương đương tiếng Anh IELTS 6.5, Cambridge English Scale 176-184, TOEFL iBT 79-93; tiếng Pháp DELF B2; tiếng Trung HSK 4; tiếng Nhật JLPT N3; tiếng Hàn TOPIK 4) và;

ii. Hoàn thành học phần Ngoại ngữ chuyên ngành II với kết quả Đạt (mức điểm D) trở lên.

**D. Ngành Châu Á - Thái Bình Dương học**

**1. Khối lượng học tập**

Khối lượng học tập ngoại ngữ trong các CTĐT trình độ đại học ngành Châu Á – Thái Bình Dương học là 24 tín chỉ bắt buộc.

Sinh viên học ngoại ngữ tương ứng với chuyên ngành của mình (Hoa Kỳ học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học).

**2. Chuẩn đầu ra**

Sau khi hoàn thành 24 tín chỉ ngoại ngữ, sinh viên cần đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu như sau:

i. Có chứng chỉ quốc tế tương đương trình độ B2 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu (tương đương tiếng Anh IELTS 6.5, Cambridge English Scale 176-184, TOEFL iBT 79-93; tiếng Trung HSK 4; tiếng Nhật JLPT N3; tiếng Hàn TOPIK 4) và;

ii. Hoàn thành học phần Ngoại ngữ chuyên ngành III với kết quả Đạt (mức điểm D) trở lên.

**PHẦN II: PHÂN LOẠI TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ**

**I. TIẾNG ANH**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Anh được phân loại trình độ Tiếng Anh tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Anh là ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I.

- Đối với sinh viên học Tiếng Anh là ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ I của năm 2).

**2. Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp (không áp dụng với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh):** căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấp trong kỳ phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ IELTS dưới 4.5 hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEFL iBT dưới 32, hoặc Cambridge English Scale dưới 147).

- Sinh viên không có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tiêu chuẩn và không tham gia kiểm tra trình độ.

**b. Trình độ Trung cấp:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kỳ phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ IELTS từ 4.5 đến dưới 6.0 hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEFL iBT từ 32 tới dưới 60, hoặc Cambridge English Scale từ 147 tới dưới 169).

**c. Trình độ Nâng cao:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương (TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc Cambridge English Scale từ 169 trở lên), hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích tiếng Anh trong kỳ thi HSG Quốc gia/Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT.

**II. TIẾNG PHÁP**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Pháp được phân loại trình độ tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Pháp là ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1).

- Đối với sinh viên học Tiếng Pháp là ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ 1 năm 2).

**2. Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp:** căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấptrong kỳ phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ DELF A1 hoặc TCF 100-199 điểm.

- Sinh viên không có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế đạt tiêu chuẩn và không tham gia phân loại trình độ.

**b. Trình độ Trung cấp:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ DELF A2 - B1 hoặc chứng chỉ TCF 200-399 điểm trở lên hoặc sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Pháp cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT **kết hợp** với kết quả phần thi Nói đạt trình độ Trung cấp trong đợt phân loại trình độ.

**c. Trình độ Nâng cao:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong đợt phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ DELF B2 trở lên hoặc chứng chỉ TCF xếp loại chung B2 trở lên hoặc đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Pháp cấp Quốc gia **kết hợp** với kết quả phần thi Nói đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ.

***Lưu ý***: Bài thi phân loại trình độ ngoại ngữ Tiếng Pháp đầu vào do Học viện tổ chức gồm hai phần thi Viết và thi Nói:

- Dưới 7/20 điểm: trình độ Sơ cấp

- Từ 7-14/20 điểm: trình độ Trung cấp

- Trên 14/20 điểm: trình độ Nâng cao

**III. TIẾNG TRUNG QUỐC**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Trung được phân loại trình độ tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Trung là ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1).

- Đối với sinh viên học Tiếng Trung là ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ 1 của năm 2).

**2. Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp:** dành cho sinh viên đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấp trong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 1, 2, 3.

- Sinh viên không có chứng chỉ HSK và không tham gia kì phân loại trình độ.

**b. Trình độ Trung cấp:**

Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kì phân loại trình độ.

**c. Trình độ Nâng cao:**

Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ.

\* Lưu ý: Sinh viên có chứng chỉ HSK hoặc đạt giải trong kỳ thi Học sinh giỏi tiếng Trung các cấp sẽ được cộng điểm khuyến khích trong kì phân loại trình độ ngoại ngữ như sau:

- Sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 4 từ 260 điểm: cộng 0,25 điểm;

- Sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 5: cộng 0,5 điểm;

- Sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 6: cộng 01 điểm;

- Sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG Tiếng Trung cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc tương đương: cộng 0,5 điểm;

- Sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG Tiếng Trung cấp quốc gia hoặc tương đương: cộng 01 điểm.

(nếu thuộc nhiều diện khuyến khích, sinh viên chỉ nhận điểm khuyến khích cao nhất).

**IV.** **TIẾNG NHẬT**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Nhật được phân loại trình độ Tiếng Nhật tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Nhật là ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1).

- Đối với sinh viên học Tiếng Nhật là ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu kỳ III (học kỳ I năm 2).

**2. Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp:** căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấptrong kì phân loại trình độ;

- Sinh viên có chứng chỉ JLPT N5;

- Sinh viên không có chứng chỉ JLPT và không tham gia phân loại trình độ.

**b. Trình độ Trung cấp:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kì kiểm tra trình độ;

- Sinh viên có chứng chỉ JLPT N4 hoặc sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Nhật cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT.

**c. Trình độ Nâng cao:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ;

- Sinh viên có chứng chỉ JLPT N3 trở lên hoặc đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Nhật cấp Quốc gia.

**V. TIẾNG HÀN**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Hàn được phân loại trình độ Tiếng Hàn tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Hàn là Ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1).

- Đối với sinh viên học Tiếng Hàn là Ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ 1 năm 2).

1. **Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp:** căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấptrong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên mới bắt đầu học tiếng Hàn hoặc có chứng chỉ TOPIK dưới mức 3 (tương đương dưới B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

- Sinh viên không có chứng chỉ TOPIK và không tham gia phân loại trình độ.

**b. Trình độ Trung cấp:** căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ TOPIK từ mức 3 tới mức 4 (tương đương từ B1 đến B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

- Sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Hàn cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT.

**c. Trình độ Nâng cao:** căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ TOPIK từ mức 5 tới mức 6 (tương đương từ C1 đến C2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)

- Sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Hàn cấp Quốc gia.

**VI. Tiếng Đức và Tiếng Tây Ban Nha**

Tiếng Đức và Tiếng Tây Ban Nha chỉ được giảng dạy như Ngoại ngữ 2, với một trình độ duy nhất là trình độ Cơ bản, dành cho sinh viên học tiếng Đức và Tiếng Tây Ban Nha từ đầu.

Thời điểm đăng ký học Ngoại ngữ 2 Tiếng Đức và Tiếng Tây Ban Nha: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ 1 năm 2).

**PHẦN III: HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ VÀ KIỂM TRA ĐẦU VÀO NGOẠI NGỮ**

**I. Đăng ký ngoại ngữ**

**- 09h00 Thứ Sáu, ngày 23/8/2024**: Sinh viên tham gia buổi tư vấn trực tuyến *Giới thiệu về chương trình giảng dạy ngoại ngữ tại Học viện Ngoại giao và Hướng dẫn kiểm tra phân loại trình độ ngoại ngữ* *đối với K51* (sinh viên xem Thông báo đăng nhập tại Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao hoặc Website: <https://www.dav.edu.vn> trước ngày tổ chức sự kiện).

**- Từ ngày 22/8/2024 - trước 17h00 ngày 25/8/2024**: Sinh viên đăng ký chọn Ngoại ngữ 1 và đăng ký kiểm tra xếp lớp Ngoại ngữ 1 theo link: [https://forms.gle/FkPACLkweTm96CtB9](https://forms.gle/FkPACLkweTm96CtB9?fbclid=IwZXh0bgNhZW0CMTAAAR2VJyNMXUt7LcLNiTjKvm_gfOeX6ClnB15nu83zUR4CpGn4BDfGXQo9T-o_aem_VD7Vyz3E3jIj5L7dxsYtng)

***Lưu ý***: *Sinh viên cần đọc kỹ Phần I và Phần II để xác định đúng trình độ và đối tượng cần tham gia kiểm tra đầu vào.*

**II. Kiểm tra đầu vào ngoại ngữ**

**- Ngày 28/8/2024**: Sinh viên thuộc diện kiểm tra đầu vào ngoại ngữ làm bài kiểm tra để xếp lớp phân loại trình độ ngoại ngữ 1.

\* Phòng Đào tạo và các Khoa Ngoại ngữ sẽ gửi Email thông báo hướng dẫn cụ thể thời gian và cách thức kiểm tra cho các sinh viên thuộc đối tượng tham dự.

**- Ngày 30/8/2024**: Sinh viên nhận Thông báo về Kết quả xếp lớp trình độ ngoại ngữ 1.

*Mọi thắc mắc cần giải đáp đề nghị liên hệ: Phòng Đào tạo đại học, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội.*

*- Hotline: 0943.482.840*

*- Email: dangkyngoainguhvng@gmail.com*

*- Website: https://www.dav.edu.vn*

*- Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao*